

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

Từ 4 vị trí A, B, C, D cho trước trong các câu sau, chọn vị trí đúng cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

Câu 1: A上课前先预习 B新课 C, 这对掌握新知识非常有益D。 (一会儿)

Câu 2: 小张A来几天B就C收到D十几封信。 (刚)

Câu 3: A小王打电话说他B毕业后C在南方D工作。 (仍然)

Câu 4: 前天奶奶 A从家乡带来B了C橘子、苹果、香蕉D, 根本就吃不完。 (什么的)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 5: Phiên âm đúng của từ 坚决 là: j_____jué.

- A. ān B. iān C. ĩn D. iāng

Câu 6: Phiên âm đúng của từ 美观 là: _____.

- A. měiguān B. měiguàn C. měiguān D. měiguǎn

Câu 7: Phiên âm đúng của từ 新闻 là: _____ ĩnwén.

- A. d B. q C. x D. j

Câu 8: Phiên âm đúng của từ 帮助 là: bāng_____ù.

- A. sh B. zh C. ch D. z

Câu 9: Phiên âm đúng của từ 团体 là: t_____tǐ.

- A. áng B. án C. uán D. uáng

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/ cụm từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 10: 今天我犯了错误, 被妈妈说了一顿。

- A. 批评 B. 说话 C. 解释 D. 笑话

Câu 11: 人们都说下龙湾是“海上桂林”, 今天去了, 觉得这句话说得一点儿也没错。

- A. 说得不怎么样 B. 说得很好听 C. 很早就说了 D. 说得很正确

Câu 12: 大学生们对将来充满了信心。

- A. 过去 B. 未来 C. 目前 D. 后来

Câu 13: 我希望能找到一个满意的职业。

- A. 职员 B. 学校 C. 任务 D. 工作

Câu 14: 先生, 您讲得这么快, 我怎么能听懂呢?

- A. 怎么办才能听懂 B. 完全听懂 C. 听得懂听不懂 D. 听不懂

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 15: 欢迎您来越南旅行，我会给您当翻译的。

- A. 连词 B. 动词 C. 介词 D. 形容词

Câu 16: 作为一个学生，应该努力学习。

- A. 名词 B. 助词 C. 动词 D. 副词

Đọc kỹ đoạn văn dưới đây và chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D), từ câu 17 đến câu 21.

上星期天我跟一位几年没见面的中国朋友约好，下午晚饭前准时在家等我，正要出门，有人找我打听事，耽误了很长时间，我不能按时到达，很过意不去。见了面，我直说：“对不起！对不起！让你久等了。”中国朋友连声说：“没什么，没什么。”谈话时，我觉得他一点儿也没变，他也说我还是老样子。吃晚饭时，我看见摆了一桌子菜，看样子，菜的味道很不错，我说他真行，还会做菜，你猜他说什么？他说：“我哪有这两下子，都是我妻子做的。”他妻子站在旁边只是说：“菜不好，多吃点儿。”后来我们三人共同举杯，为我们的友谊干杯。

Câu 17: “我们”的约会是在什么时候的？

- A. 只是约好见面，没有约时间 B. 在吃晚饭以前
C. 下午五点 D. 吃过了晚饭

Câu 18: 为什么“我”不能按时到达？

- A. 没有什么原因 B. “我”忘记了时间
C. 没找到地方 D. 有人找“我”打听事

Câu 19: “还是老样子”是什么意思？

- A. 跟以前一样，没有变化 B. 以前穿什么，现在还穿什么
C. 变得跟以前完全不一样 D. 虽然有变化，但是变化不大

Câu 20: “看样子，菜的味道不错”的意思是：

- A. 尝了以后，说菜做得很好 B. 吃了以后，觉得味道不好
C. 一看就知道不好吃 D. 一看就知道很好吃

Câu 21: 根据短文的内容，做饭的人是谁？

- A. “我”和朋友 B. “我”朋友的妻子
C. “我”朋友和他妻子 D. “我”朋友

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) hoàn thành các câu sau.

Câu 22: 为了保护眼睛，请同学们不要躺_____看书。

- A. 过 B. 得 C. 的 D. 着

Câu 23: 你的护照在这儿，你朋友的_____？

- A. 吗 B. 吧 C. 呢 D. 啊

Câu 24: _____遇到什么困难，_____改变不了我学习汉语的决心。

- A. 没有……没有…… B. 即使……也……
C. 无论……也…… D. 既然……就……

Câu 25: 现在，河内一般每个家庭都有_____辆摩托车。

- A. 两个 B. 两 C. 俩 D. 二

- Câu 26:** 我觉得, 有时候骑车_____坐车还快。
A. 跟 B. 和 C. 如 D. 比
- Câu 27:** 祝贺你顺利_____考上了大学。
A. 着 B. 了 C. 得 D. 地
- Câu 28:** 我表哥的新家离公司有五公里_____。
A. 中间 B. 左右 C. 前后 D. 来回
- Câu 29:** 我_____不想教你, _____我自己也没弄明白。
A. 不是……而是…… B. 首先……然后……
C. 虽然……但是…… D. 不仅……还……
- Câu 30:** 这个办法_____省钱, _____还省时间。
A. 不但……而且…… B. 一……就……
C. 不……不…… D. 只有……才……
- Câu 31:** 每年夏天这个时候, 学中文的优秀高中生_____去参加中学汉语桥比赛。
A. 再 B. 已 C. 都 D. 正
- Câu 32:** 考察队找了半个月_____找到那个地方。
A. 更 B. 就 C. 还 D. 才
- Câu 33:** 你瞧, 小宝宝这_____手又白又嫩, 真可爱!
A. 双 B. 二 C. 两 D. 对
- Câu 34:** 我们_____了父母到中国来学习汉语。
A. 告别 B. 再见 C. 分手 D. 告诉
- Câu 35:** 北京大学在清华大学的西边, 它后边_____圆明园。
A. 在 B. 放 C. 有 D. 是
- Câu 36:** _____英文以外, 高中学校_____教中文、法文、德文、日文、俄文等外语。
A. 连……都…… B. 又……又……
C. 除了……还…… D. 一边……一边……
- Câu 37:** 跑步是玛丽最喜欢的运动_____。
A. 之一 B. 其中 C. 之间 D. 之二
- Câu 38:** _____没有那么多热心人的帮助, 就不会有今天的我。
A. 尽管 B. 如果 C. 因为 D. 虽然
- Câu 39:** 你去食堂的时候, _____替我买一个面包。
A. 一直 B. 一般 C. 顺便 D. 总是
- Câu 40:** 天气这么凉快, 与其呆在家里, 倒_____出去走走。
A. 不如 B. 需要 C. 应该 D. 也要
- Câu 41:** 她在我们班年龄最_____, 我们都很尊敬她。
A. 老 B. 深 C. 大 D. 多
- Câu 42:** 各位家长都努力_____自己的孩子培养成有用的人才。
A. 使 B. 把 C. 叫 D. 令
- Câu 43:** 大家都知道, 锻炼身体_____一个人的健康有很大的作用。
A. 为 B. 对 C. 使 D. 关于
- Câu 44:** 爬到山顶, 我们都累坏了, _____大家心里充满了自豪感。
A. 可 B. 于是 C. 为了 D. 却

Câu 45: 昨天晚上的球赛_____极了。

- A. 很清楚 B. 精彩 C. 很精神 D. 颜色

Câu 46: 咱们的基础教育有_____的优点，日本的基础教育也有它的优点。

- A. 它们 B. 你们 C. 咱们 D. 他们

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) trong mỗi câu sau.

Câu 47: A. 你把这个好消息请告诉班主任 B. 你请把这个好消息班主任告诉
 C. 请你把这个好消息告诉班主任 D. 请你这个好消息把告诉班主任

Câu 48: A. 小玲玲就下课了回家 B. 小玲玲就下课回了家
 C. 小玲玲下了课就回家 D. 小玲玲下课了就回家

Câu 49: A. 看见张大夫，我急忙跑下楼来 B. 看见张大夫，我急忙下来楼跑
 C. 看见张大夫，我急忙跑楼下来 D. 看见张大夫，我急忙跑下来楼

Câu 50: A. 我一起可以跟你进城买东西 B. 我可以跟你进城一起买东西
 C. 我可以跟你进城买东西一起 D. 我可以跟你一起进城买东西

----- HẾT -----